

Số: /BC-STC

Lai Châu, ngày 05 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình giá thị trường và công tác quản lý giá tháng 12 và năm 2022

Thực hiện Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính Quy định chế độ báo cáo giá thị trường. Sở Tài chính tỉnh Lai Châu báo cáo tình hình giá thị trường tháng 12 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lai Châu như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

1. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Theo số liệu của Cục thống kê tỉnh Lai Châu tại báo cáo số 659/BC-CTK ngày 26/12/2022, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 giảm 0,05% so với tháng trước, tăng 4,47% so với cùng kỳ năm trước và tăng 8,03% so với kỳ gốc 2019. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2022 trên địa bàn tỉnh là 102,82% tăng 2,82% so với cùng kỳ năm 2021.

Chỉ tiêu	Chỉ số giá tháng báo cáo so với:			Bình quân cùng kỳ
	Kỳ gốc 2019	Tháng 12/2021	Tháng 11/2022	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	108,03	104,47	99,95	102,82
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,25	104,85	100,43	100,08
<i>Trong đó: 1- Lương thực</i>	112,50	105,11	101,44	104,83
<i>2- Thực phẩm</i>	105,94	105,11	100,35	98,81
<i>3- Ăn uống ngoài gia đình</i>	117,57	103,12	100,00	102,97
II. Đồ uống và thuốc lá	107,92	103,43	100,00	102,03
III. May mặc, mũ nón và giày dép	109,54	105,66	100,22	103,69
IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	103,58	99,17	99,94	101,53
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	109,11	107,01	100,18	106,34
VI. Thuốc bệ và thiết bị y tế	101,83	100,15	100,00	99,86
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	102,61	100,00	100,00	100,00
VII. Giao thông	109,20	101,83	97,53	111,86
VIII. Bưu chính viễn thông	100,03	100,00	100,00	100,16
IX. Giáo dục	149,27	145,92	100,01	111,02
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	161,56	157,79	100,00	112,49
X. Văn hóa, giải trí và du lịch	102,55	105,08	100,09	103,30
XI. Hàng hóa và dịch vụ khác	106,11	101,49	100,57	100,94
Chỉ số giá vàng	171,79	109,91	99,70	117,06
Chỉ số giá đô la Mỹ	103,79	104,84	96,88	101,73

Diễn biến chỉ số giá một nhóm ngành tháng 12 năm 2022 so với tháng trước, Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 8 nhóm hàng biến động với mức tăng, giảm so với tháng trước như sau: nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,57%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,43%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,22%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,18%; nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,09%; nhóm giáo dục tăng 0,01%; Ngược lại, nhóm Giao thông giảm 2,47%; Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD giảm 0,06%; có 3 nhóm không biến động là nhóm Bru chính viễn thông, nhóm Thuốc và thiết bị y tế và nhóm đồ uống và thuốc lá; Trong tháng giá vàng giảm 0,3% và giá Đô la Mỹ giảm 3,12% so với tháng trước.

Diễn biến chỉ số giá một một nhóm ngành năm 2022 so với cùng kỳ năm trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 10 nhóm tăng và 01 nhóm giảm, mức tăng, giảm như sau: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,08%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,03%; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 3,69%; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,53%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 6,34%; nhóm giao thông tăng 11,86%; nhóm giáo dục tăng 11,02%; nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 3,3%; nhóm Bru chính viễn thông tăng 0,16%; nhóm hàng hóa dịch vụ khác tăng 0,94%; nhóm thuốc và thiết bị y tế giảm 0,14%; Chỉ số giá vàng bình quân năm tăng 17,06%. Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm giảm 1,73% so với cùng kỳ năm trước.

2. Một số yếu tố tác động đến mặt bằng giá trị trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu

- Giá nguyên liệu đầu vào cũng như nhu cầu của người tiêu dùng tăng, nguồn cung một số mặt hàng lương thực, thực phẩm từ các tỉnh dưới xuôi giảm, giá cước vận chuyển tăng nên tác động đến giá một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu tăng, nhóm đồ uống và giá thức ăn chăn nuôi tăng.

- Có một số mặt hàng biến động giảm do đang vào vụ thu hoạch, lượng cung cấp dồi dào: ngô, sắn, khoai lang giảm, một số loại rau, hoa quả...

- Nhóm giáo dục tăng do điều chỉnh mức tăng học phí;

- Giá vật liệu xây dựng tăng;

- Giá vàng, giá đôla Mỹ trên địa bàn tỉnh chịu ảnh hưởng của giá vàng, giá đôla thế giới và giá trong nước.

- Từ đầu năm đến nay Tổng Công ty xăng dầu đã có 31 lần điều chỉnh tăng, giảm giá bán lẻ xăng, dầu vào các ngày 01, 11, 21 hàng tháng do đó ảnh hưởng đến chỉ số giá tiêu dùng trong các tháng.

II. DIỄN BIẾN GIÁ CẢ CÁC NHÓM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Theo điều tra khảo sát giá thị trường tại địa bàn thành phố Lai Châu và báo cáo giá thị trường của Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố.

1. Lương thực, thực phẩm

** Tháng 12/2022*

- So với tháng 11/2022 giá thóc, gạo tẻ thường, gạo tẻ ngon tại các huyện, thành phố ổn định. Riêng huyện Tam Đường giá gạo tẻ thường, gạo tẻ thường và gạo tẻ ngon tăng 1.000đ/kg; huyện Phong Thổ giá thóc tẻ thường, gạo tẻ thường và gạo tẻ ngon tăng 1.000đ/kg;

- Giá thịt lợn tại các huyện ổn định, riêng huyện Phong Thổ, huyện Tam Đường giảm, huyện Sìn Hồ tăng; giá lợn hơi trong tháng tại các huyện, thành phố giao động từ 60.000 - 80.000đ/kg. Tại chợ trung tâm thành phố giá thịt lợn thăn 130.000 đ/kg; giò lụa 145.000 đ/kg, thịt mỡ sấn: 120.000-130.000 đ/kg, thịt ba chỉ, thịt nạc vai 125.000đ/kg; thịt bò thăn, thịt bò bắp 290.000 đ/kg; thịt ngựa 300.000đ/kg.

- Giá một số thịt gia cầm ổn định: gà ta sống: 150.000-155.000 đồng/kg; gà công nghiệp sống 75.000 đ/kg; thịt gà công nghiệp làm sẵn 115.000đ/kg; vịt sống 70.000-75.000 đồng/kg, thịt vịt làm sẵn 100.000đ/kg; ngan sống 70.000-80.000 đồng/kg, thịt ngan làm sẵn 105.000đ/kg.

- Giá một số mặt hàng thủy sản tươi sống ổn định so với tháng trước: tôm sông Đà nhỏ 180.000-210.000đ/kg; Tôm rảo, tôm nuôi nước ngọt (40-45 con/kg): 230.000 đ/kg; tôm loại to (20-25 con/kg) 255.000 đ/kg; mực tươi 280.000 đ/kg; cá chép 67.000đ/kg, cá trắm 70.000 đ/kg.

- Giá dầu thực vật Neptune 65.000đ/lít, giá dầu thực vật simply 68.000đ/l; nước mắm chinsu chai thủy tinh 500ml: 45.000đ/chai, nước mắm Nam ngư chai nhựa 500ml: 34.000đ/chai; sữa tươi Kun 110ml, vinamilk 100ml: 220.000đ/thùng 48 hộp, sữa TH True milk 110ml, sữa milo 100ml: 235.000đ/thùng 48 hộp; Dielac alpha step 1 (hộp thiếc 400g) 155.000đ/hộp.

- Giá một số loại rau, củ, quả tăng so với tháng trước: bí xanh 20.000 đ/kg (tăng 5.000đ/kg); xu hào 25.000đ/kg (tăng 4.000đ/kg); quả bầu: 15.000 đ/kg (tăng 5.000đ/kg), cải ngọt 20.000 đ/kg đỗ cô ve 20.000đ/kg (tăng 5.000đ/kg);, một số loại rau ổn định so với tháng trước: bắp cải 15.000 đ/kg, mướp 15.000đ/kg, chanh tươi 25.000đ/kg, rau muống 5.000đ/ bó, khoai tây 20.000đ/kg, cà chua 20.000 đ/kg,..

- Giá một số loại mặt hàng khác do phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện báo cáo, cụ thể như sau: Tại thành phố Lai Châu: chè búp tươi (1tôm 2 lá tỷ lệ 80% thu mua trực tiếp tại đồi): 6.000 đ/kg, ngô hạt: 10.000 đ/kg; Tại huyện Sìn Hồ: sắn tươi: 2.000 đ/kg (giảm 500 đ/kg); Tại huyện Tân Uyên: gạo nếp Co Giàng 30.000 đ/kg, gạo nếp Khẩu Hóc 35.000 đ/kg; tại huyện Phong Thổ giá quả chuối Tây xanh từ 8.000 - 12.000 đ/kg (tăng từ 3.000-4.000đ/kg); tại huyện

Than Uyên: ngô hạt: 7.500đ/kg, sắn khô: 5.000đ/kg, lạc vỏ khô: 20.000đ/kg; tại Huyện Mường Tè: Gạo nếp ngon 30.000-40.000đ/kg; Ngô hạt 11.000đ/kg (tăng 1.000đ/kg); Sắn tươi: 3.000đ/kg; Sắn lát khô: 7.000đ/kg.

** Năm 2022*

- Giá thóc, gạo tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh trong năm 2022 có sự biến động tăng, giảm cụ thể như sau:

+ Giá tháng 1 giá so với tháng 12/2021: huyện Tân Uyên giá thóc tế thường tăng 500đ/kg, Huyện Nậm Nhùn: gạo tế thường tăng 1.000đ/kg; Huyện Tam Đường: thóc tế thường tăng 500đ/kg, gạo tế thường tăng 1.000đ/kg; gạo tế ngon tăng 1.000đ/kg;

+ Giá tháng 2 so với tháng 1: Huyện Nậm Nhùn giá gạo tế thường tăng 1.000đ/kg;

+ Giá tháng 3 so với tháng 2: thành phố Lai Châu và huyện Sìn Hồ giá thóc tế thường tăng 1.000đ/kg; huyện Tam Đường giá gạo tế thường và gạo tế ngon tăng 1.000đ/kg; huyện Mường Tè giá thóc tế thường và gạo tế thường giảm 1.000đ/kg; huyện Tân Uyên giá gạo tế thường và gạo tế ngon giảm 1.000đ/kg.

- Giá tháng 4 so với tháng 03: Huyện Tân Uyên: thóc tế thường tăng 500đ/kg; huyện Tam Đường giá thóc tế thường, gạo tế thường và gạo tế ngon tăng 1.000đ/kg.

+ Giá tháng 5 so với tháng 4: Thành phố Lai Châu và huyện Sìn Hồ giá thóc tế thường tăng 1.000đ/kg; huyện Tam Đường giá gạo tế thường và gạo tế ngon tăng 1.000đ/kg; huyện Mường Tè giá thóc tế thường và gạo tế thường giảm 1.000đ/kg; huyện Tân Uyên giá gạo tế thường và gạo tế ngon giảm 1.000đ/kg;

- Tháng 6 so với tháng 05/2022 giá thóc, gạo tế thường, gạo tế ngon tại các huyện, thành phố ổn định. Riêng huyện Tam Đường giá thóc tế thường và gạo tế ngon giảm 1.000đ/kg, gạo tế thường giảm 2.000đ/kg; huyện Phong Thổ giá thóc tế thường, gạo tế thường và gạo tế ngon giảm 1.000đ/kg; huyện Nậm Nhùn giá thóc tế thường và gạo tế thường tăng 500đ/kg, gạo tế ngon tăng 1.000đ/kg.

+ Tháng 7 so với tháng 06/2022 giá thóc, gạo tế thường, gạo tế ngon tại các huyện, thành phố ổn định. Riêng huyện Phong Thổ giá gạo tế ngon tăng 1.000đ/kg; huyện Tam Đường giá thóc tế thường và gạo tế ngon giảm 1.000đ/kg, gạo tế thường giảm 2.000đ/kg.

+ Giá tháng 8 so với tháng 07/2022 giá thóc, gạo tế thường, gạo tế ngon tại các huyện, thành phố ổn định. Riêng huyện Tam Đường giá gạo tế ngon giảm 1.000đ/kg;

+ Giá tháng 9 với tháng 08/2022 giá thóc, gạo tế thường, gạo tế ngon tại các huyện, thành phố ổn định. Riêng thành phố Lai Châu gạo tế ngon tăng

1.000đ/kg, huyện Sin Hồ giá thóc tẻ thường tăng 1.000đ/kg, huyện Phong Thổ giá gạo tẻ ngon giảm 1.000đ/kg.

+ Giá tháng 10 với tháng 09/2022 giá thóc, gạo tẻ thường, gạo tẻ ngon tại các huyện, thành phố ổn định. Riêng huyện Sin Hồ thóc tẻ thường, gạo tẻ thường và gạo tẻ ngon giảm 1.000đ/kg.

+ Giá tháng 11 với tháng 10/2022 giá thóc, gạo tẻ thường, gạo tẻ ngon tại các huyện, thành phố ổn định.

- Giá gia súc, gia cầm trong năm có biến động tăng, giảm theo từng tháng, trong tháng 1 vào dịp giáp tết Nguyên Đán Nhâm Dần nhu cầu của người dân tăng; tháng 4, tháng 5, tháng 6, tháng 7 do giá thức ăn gia súc, gia cầm tăng nên đẩy giá thịt lợn hơi, bò hơi, thịt gia cầm tăng. Riêng trong tháng 3, tháng 9 giá gia súc, gia cầm giảm do nhu cầu tiêu dùng ít hơn và lượng chăn nuôi gia cầm đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng nên giá bán giảm; tháng 8, tháng 10, tháng 12 ổn định.

- Giá một số mặt hàng thủy sản tươi sống trong năm 2022 cũng biến động tăng, giảm theo tháng; giá thực phẩm chế biến công nghệ (dầu ăn, nước mắm, đường, sữa...) từ tháng 4 đến tháng 6 tăng do giá nguyên liệu đầu vào tăng và chi phí vận chuyển tăng cao.

- Giá rau củ, quả tươi trong những tháng đầu năm giảm do người dân vào vụ thu hoạch chính vụ, không phải nhập và vận chuyển từ các tỉnh khác nên giá thành giảm; tháng 6, tháng 12 giá rau củ tăng do ảnh hưởng của thời tiết mưa, rét nhiều nên mất mùa rau...

2. Vật tư nông nghiệp

** Tháng 12/2022*

- Giá vật tư nông nghiệp trên địa bàn thành phố trong tháng cơ bản ổn định so với tháng trước. Có một số loại tăng: Giống ngô Bioseed B9698: 125.000đ/kg (tăng 3.000đ/kg); Ngô CP 511: 150.000đ/kg (tăng 10.000đ/kg); Ngô CP 111: 140.000đ/kg (tăng 5.000đ/kg); Phân NPK Lào Cai 10.5.5: 9.500đ/kg (tăng 500đ/kg); Lân Nung Chảy Văn Điển: 4.400đ/kg (tăng 200đ/kg).

- Giá giống cây trồng nông nghiệp trong tháng ổn định; Riêng huyện Phong Thổ giá giống cá tầm (Kích thước chiều dài cá: 8cm-10cm) giá bán lẻ: 25.000 đ/con (giảm 5.000đ/con); giá giống cá hồi (Kích thước chiều dài cá: 8cm-10cm) giá bán lẻ: 20.000 đ/con (tăng 8.000đ/con).

** Năm 2022*

- Giá vật tư nông nghiệp trên địa bàn thành phố trong năm cơ bản ổn định, một số mặt hàng có sự biến động tăng, giảm như sau: giống lúa Ség Cù tháng 2: 42.000 đ/kg (giảm 2.000đ/kg so với tháng 01); tháng 4 có Giống ngô LVN10 70.000đ/kg (tăng 15.000đ/kg so với tháng 3) và Phân đạm urê A: 21.000 đ/kg (tăng 2.000 đ/kg so với tháng 3); tháng 6 có giá phân đạm urê A 20.000 đồng (giảm 1.000đ/kg so với tháng 5); phân NPK Lào Cai 5-10-3+8 (Apatit) và phân NPK Bảo

Lâm 5.10.3 + TE: 7.500đ/kg (tăng 500đ/kg so với tháng 5); tháng 7: Lúa nếp 98 35.000đ/kg (tăng 1.000đ/kg so với tháng 6); Giống ngô LVN10: 60.000 đ/kg (giảm 10.000đ/kg so với tháng 6); tháng 9 có giống ngô LVN10, cấp F1 70.000 đồng/kg (tăng 10.000đ/kg so với tháng 8) và Lúa Vaas 16: 46.000 đồng/kg (tăng 2.000đ/kg so với tháng 8); Tháng 10 có Giống ngô Bioseed B9698 122.000 đồng/kg (tăng 27.000đ/kg so với tháng 9); tháng 12 có giống ngô Bioseed B9698: 125.000đ/kg (tăng 3.000đ/kg so với tháng 11), Ngô CP 511: 150.000đ/kg (tăng 10.000đ/kg so với tháng 11), Ngô CP 111: 140.000đ/kg (tăng 5.000đ/kg so với tháng 11), Phân NPK Lào Cai 10.5.5: 9.500đ/kg (tăng 500đ/kg so với tháng 11), Lân Nung Chảy Văn Điển: 4.400đ/kg (tăng 200đ/kg).

- Giá giống cây trồng, vật nuôi nông nghiệp trong năm ổn định. Riêng tháng 12 huyện Phong Thổ giá giống cá tầm (Kích thước chiều dài cá: 8cm-10cm) giá bán lẻ: 25.000 đ/con (giảm 5.000đ/con); giá giống cá hồi (Kích thước chiều dài cá: 8cm-10cm) giá bán lẻ: 20.000 đ/con (tăng 8.000đ/con).

3. Đồ uống, bánh kẹo, thuốc lá

** Tháng 12/2022*

Nhóm một số mặt hàng đồ uống, thuốc lá ổn định so với tháng trước: Bia Hà nội 260.000đ/thùng, Bia Sài Gòn (thùng 24 lon 330ml loại phổ biến) 265.000đ/thùng; Bia 333: 270.000đ/thùng; Nước Cocacola, pepsi, nước cam 195.000đ/thùng, bò húc Thái 265.000đ/thùng; nước đóng chai Lavie, aquafina 500ml: 5.000đ/chai, rượu vang Đà Lạt 750ml: 85.000đ/chai, rượu lọc sản xuất tại địa phương (Cổng Vua, Hoàng Thanh, 25°) từ 350.000-400.000/kiện 24 chai, thuốc lá vinataba: 20.000đ/bao, thuốc ngựa: 25.000đ/bao.

** Năm 2022*

Nhóm một số mặt hàng đồ uống trong năm có sự biến động như sau: Tháng 1 là tháng giáp Tết Nguyên Đán Nhâm Dần nhu cầu tiêu dùng nhiều hơn một số mặt hàng (Rượu, bia, nước ngọt, bánh kẹo...) tăng do đó giá tăng hơn so với các tháng; tháng 5, tháng 7 tăng do ảnh hưởng nguyên liệu đầu vào tăng, chi phí vận chuyển tăng nên giá các mặt hàng đồ uống, bánh kẹo thuốc lá cũng tăng lên; các tháng khác ổn định.

4. Vật liệu xây dựng, chất đốt, nước sinh hoạt

** Tháng 12/2022*

- So với tháng trước trên địa bàn huyện Tam Đường giá một số vật liệu xây dựng có biến động tăng, giảm: giá thép Việt Đức (D6-D8): 15.929 đ/kg (giảm 330 đ/kg), giá thép Hòa Phát (D6-D8): 16.079 đ/kg (giảm 333 đ/kg), cát đen: 310.000đ/m³ (tăng 5.000đ/m³), cát vàng: 325.000đ/m³ (tăng 5.000đ/m³); gạch xây: 1.250 đ/viên (tăng 50 đ/viên); một số vật liệu xây dựng khác ổn định: Ống nhựa Tiền Phong U. PVC dán kéo phi 90 loại 1...

- Giá cát xây tại Công ty TNHH dịch vụ thương mại và xây dựng Hoàng Thăng (sản xuất tại mỏ đá Tà Tú 2 xã Nậm Tăm và xã Pa Khóa - Sìn Hồ) ổn định: 268.182đ/m³;

- Giá bán lẻ gas Petrolimex trên địa bàn các huyện, thành phố ổn định so với tháng trước từ 465.000 - 495.000 đ/bình/12kg; giá nước sạch sinh hoạt ổn định.

** Năm 2022*

- Giá một số vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Tam Đường có biến động tăng, giảm, cụ thể như sau:

+ Thép xây dựng Hòa Phát (D6-D8) trong 5 tháng đầu năm tăng liên tiếp; tháng 6,7,8,9,12 giảm, tháng 10+11 ổn định; thép Việt Úc giá ổn định.

+ Giá cát vàng biến động giảm từ tháng 01 đến tháng 7; từ tháng 8 đến tháng 12 tăng; Giá cát đen từ tháng 01 đến 4 ổn định, tháng 5 đến tháng 7 giảm; từ tháng 8 đến tháng 12 biến động tăng.

+ Giá xi măng Lai Châu PC30 bao 50kg, 6 tháng đầu năm ổn định: 63.650 đồng/bao; tháng 7: 64.900 đồng/bao (tăng 1.250 đ/bao so với tháng 6); tháng 10: 67.300 đồng/bao (tăng 2.400 đ/bao so với tháng 11); các tháng khác ổn định.

- Giá gạch xây tuynel 2 lỗ biến động tăng, giảm như sau: tháng 4: 1.091 đ/viên (giảm 182đ/viên so với tháng 3), tháng 5: 1.182 đ/viên (tăng 91đ/viên so với tháng 4), tháng 8: 1.200 đ/viên (tăng 18đ/viên so với tháng 7), tháng 12: 1.250 đ/viên (tăng 50đ/viên so với tháng 11); các tháng khác ổn định.

- Giá gas Petrolimex trong năm 2022: có 3 lần tăng giá (tháng 2 tăng 8.000-10.000 đ/bình/12kg so với tháng 1, tháng 3 tăng 35.000-42.000 đ/bình/12kg so với tháng 2; tháng 4 tăng 13.000 đ/bình/12kg so với tháng 3); có 5 lần giảm giá (tháng 5 giảm 10.000 đ/bình/12kg so với tháng 4, tháng 6 giảm 10.000 đ/bình/12kg so với tháng 5; tháng 8 giảm 13.000 đ/bình/12kg so với tháng 7; tháng 9 giảm 15.000 đ/bình/12kg so với tháng 8; tháng 10 giảm 10.000 đ/bình/12kg so với tháng 9); tháng 7; 11; 12 ổn định.

- Giá nước sinh hoạt tháng 1 tăng 100đ/m³ so với năm trước, từ tháng 2 đến tháng 12 ổn định.

5. Thuốc chữa bệnh cho người:

** Tháng 12/2022*

Chỉ số giá nhóm này ổn định so với tháng trước.

** Năm 2022*

Chỉ số giá nhóm này bình quân trong năm giảm 0,14% so với năm 2021, do 3 tháng đầu năm tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp trên địa bàn tỉnh nên nhu cầu sử dụng của người dân tăng, một số mặt hàng thuốc chống dị ứng, thuốc vitamin, thuốc tăng sức đề kháng, thuốc bổ, thuốc đường tiêu hóa tăng các

mặt hàng dụng cụ y tế (kẹp nhiệt độ, khử khuẩn, que test covid-19...) tăng, các tháng khác ổn định.

6. Dịch vụ y tế: Giá dịch vụ y tế ổn định.

7. Giao thông:

** Tháng 12/2022*

Chỉ số nhóm này giảm mạnh 2,47% chủ yếu là do mặt hàng nhiên liệu xăng, dầu tiếp tục điều chỉnh giảm.

- Giá cước vận tải hành khách trên địa bàn tỉnh các tuyến nội tỉnh, liên tỉnh ổn định như: Tuyến Lai Châu - Sìn Hồ: từ 55.000-60.000đ/lượt; Lai Châu - Than Uyên từ 75.000-90.000 đ/lượt; Lai Châu - Mường Tè từ 110.000-130.000 đ/lượt; Lai Châu - Hà Nội: 350.000đ/lượt; Lai Châu - Thái Bình: 420.000-440.000đ/lượt...; Giá cước taxi trên địa bàn tỉnh Lai Châu ổn định.

- Giá trông giữ ô tô, xe máy ổn định;

- Giá xăng giảm từ 1.020-3.140 đ/lít, giá dầu giảm từ 1.620-3.260 đ/lít so với tháng 11/2022. Vào 03 lần điều chỉnh giá bán lẻ xăng, dầu cụ thể như sau:

STT	Các loại chủng loại xăng, dầu	ĐVT	Ngày điều chỉnh		
			01/12/2022	12/12/2022	21/12/2022
1	Xăng E5 RON 92-II	đồng/lít	22.100	20.740	20.360
2	Xăng Ron 95-III	đồng/lít	23.150	21.620	21.110
3	Dầu diezel 0.05S-II	đồng/lít	23.670	22.100	22.030
4	Dầu diezel 0.001S-V	đồng/lít	25.690	24.120	24.050

** Năm 2022*

Chỉ số nhóm này tăng mạnh nhất 11,86% chủ yếu là do mặt hàng nhiên liệu tăng.

- Giá cước vận tải hành khách trên địa bàn tỉnh các tuyến nội tỉnh, liên tỉnh trong 5 tháng đầu năm 2022 ổn định, trong tháng 6 có 07 doanh nghiệp kê khai tăng giá, các tháng khác giá xe khách ổn định; Giá cước taxi trên địa bàn tỉnh tháng 1, tháng 2 giá ổn định, tháng 3 có hãng taxi Mailinh và hãng taxi của Chi nhánh HTX Hòa Bình Xanh tăng giá, giá taxi các tháng còn lại trong năm giá ổn định.

- Giá trông giữ ô tô, xe máy ổn định;

- Từ đầu năm đến nay Giá xăng dầu có 31 kỳ điều chỉnh, bao gồm 01 lần giữ nguyên, 14 lần giảm, 16 lần tăng; vào thời điểm cuối tháng 6 đầu tháng 7/2022 vượt mốc 30.000 đ/lít.

8. Nhóm Giáo dục

** Tháng 12/2022*

- Chỉ số nhóm này tăng 0,01% do văn phòng phẩm tăng 0,06%.

- Giá dịch vụ giáo dục tại trường mầm non công lập, trường trung học cơ sở công lập, trung học phổ thông công lập, đào tạo nghề công lập ổn định.

** Năm 2022*

- Trong năm Nhóm giáo dục tăng 11,02% do giá một số mặt hàng sản phẩm từ giấy, đồ dùng học tập và văn phòng phẩm tăng do chi phí vận chuyển tăng; học phí nhà trẻ tư thục (bao gồm cả ăn trưa) tăng do giá thực phẩm tăng.

- Giá dịch vụ giáo dục tại trường mầm non công lập, trường trung học cơ sở công lập, trung học phổ thông công lập, đào tạo nghề công lập tăng 12,49% do điều chỉnh mức thu học phí năm học 2022-2023 tăng.

9. Giải trí và du lịch:

** Tháng 12/2022*

Chỉ số nhóm này tăng nhẹ 0,09% so với tháng trước, tăng chủ yếu do giá nhóm hoa và cây cảnh, vật cảnh (cá cảnh) tăng; Giá phòng nghỉ ổn định, giá phòng nghỉ tại khách sạn Tây Bắc, Kiều Trinh giá từ 200.000-250.000đ/phòng; khách sạn Hồng Nhung giá từ 200.000-300.000đ/phòng; Khách sạn Bình Long, Hoàng Gia giá từ 250.000-300.000đ/phòng; Khách sạn Mường Thanh (3 sao hoặc tương đương) giá từ 840.000-1.200.000đ/phòng....

** Năm 2022*

- Trong tháng 1 do các cơ sở áp dụng chương trình ưu đãi cuối năm nên một số mặt hàng thiết bị văn hóa giảm,

- Mặt hàng hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng nhẹ ở tháng 1, tháng 3, tháng 10, tháng 11 do nhu cầu ngày tết Nguyên Đán, ngày 8/3, ngày 20/10; 20/11; giá hoa hồng và hoa cúc ở địa phương ổn định ở các tháng còn lại.

- Tháng 2; tháng 4 tăng chủ yếu mặt hàng thiết bị văn hóa tăng do nhu cầu tăng; thiết bị dụng cụ thể thao giảm; Giá nhập tivi màu tăng 2,88%; phí truyền hình và internet tăng 5,51% (chủ yếu do phí chơi game tăng giá); Thiết bị dụng cụ thể thao tăng 2,47%...

- Nhóm du lịch trong các tháng trong năm ổn định; riêng tháng 6, 7 tăng do là tháng nghỉ hè nên nhu cầu du lịch tăng.

- Tháng 8 tăng do nhóm đồ chơi trẻ em tăng nhu cầu sử dụng cao, sắp đến dịp tết Trung thu;

- Các mặt hàng khác (phòng nghỉ...) trong năm ổn định.

10. Vàng và Đô la Mỹ

** Tháng 12/2022*

- Giá vàng bán ra bình quân thị trường tự do trên địa bàn thành phố Lai Châu trong tháng: nhẫn vàng 99,99% (vàng 1 chỉ, 2 chỉ nhẫn trơn) ở mức 5.320.000 đ/chỉ, giảm 0,75%; Giá vàng SJC (1L, 10L) ở mức 6.722.300 đ/chỉ, giảm 0,29% so với giá bình quân bán ra bình quân tháng trước.

- Giá Đô la giá bình quân trong tháng là: 1USD = 24.903 VNĐ tăng 3,12% so với tháng trước. Giá đô la tăng mạnh do tình hình lạm phát trên thế giới gia tăng.

* Năm 2022

- Do ảnh hưởng chung của giá vàng thế giới và giá trong nước, giá vàng trên địa bàn tỉnh Lai Châu bình quân năm tăng 17,06% so với năm trước. Giá vàng chỉ bán lẻ bình quân 6 tháng trên địa bàn tỉnh ở mức: nhẫn vàng 99,99% (vàng 1 chỉ, 2 chỉ nhẫn tron) 5.245.000 đ/chỉ; Giá vàng SJC (1L, 10L) 6.708.000 đ/chỉ.

- Chỉ số Giá đô la Mỹ bình quân năm tăng 1,73% so với năm trước. Giá bình quân năm 1USD = 23.448 VNĐ.

(Biểu chi tiết giá hàng hóa, dịch vụ tháng 12 kèm theo)

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ NĂM 2022

- Tổng hợp, thực hiện chế độ báo cáo tình hình giá cả thị trường hàng tháng đảm bảo đúng thời gian quy định. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 về việc quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí NSNN trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 quy định mức hỗ trợ mất thu nhập tạm thời đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thuộc Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc, do ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Úc tài trợ (tuyến nối thành phố Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai); Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Xây dựng dự thảo Quyết định của UBND sửa đổi Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 Quy định Quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Công văn số 687/UBND-KTN ngày 09/3/2022 tăng cường hoạt động thẩm định giá của nhà nước.

- Thực hiện các văn bản của Văn phòng chính phủ, Bộ Tài chính và UBND tỉnh Lai Châu từ cuối tháng 12/2021 đến nay Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành 08 văn bản về công tác quản lý và điều hành giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu¹.

¹ Công văn số 4314/UBND-KTN ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý điều hành và bình ổn giá, chống buôn lậu thương mại và hàng giả trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 843/UBND-KTN ngày 22/3/2022 về tăng cường công tác quản lý và điều hành giá trên địa bàn tỉnh; số 1150/UBND-KTN ngày 12/4/2022 về tăng cường công tác quản lý và điều hành giá một số mặt hàng quan trọng, thiết yếu; số 1722/UBND-KTN ngày 25/5/2022 về tác động tăng giá nhiên liệu đến giá dịch vụ vận tải các lĩnh vực trên địa bàn; số 2591/UBND-KTN ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh V/v tăng cường công tác quản lý và điều hành giá một số nhóm mặt hàng; số 3103/UBND-KTN ngày 23/8/2022 V/v tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành giá; số 3795/UBND-KTN ngày 11/10/2022 V/v tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành giá; số 4835/UBND-KTN ngày 28/12/2022 V/v tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.

- Thực hiện Công văn số 1748/UBND-KTN ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ; thẩm định và thông báo giá các loại giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, thiết bị...theo quy định. Ngày 07/6/2022, Sở Tài chính đã có Công văn số 826/STC-NS về việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi UBND các huyện thành phố để triển khai, thực hiện; tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản số 2513/HD-UBND ngày 18/7/2022 về việc hướng dẫn thực hiện một số Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Tham gia đoàn công tác thực hiện kiểm tra tình hình thị trường Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022 theo kế hoạch số 40/KH-BCĐ ngày 07/12/2021 của Ban Chỉ đạo 389 tỉnh về kiểm tra tình hình thị trường trước, trong và sau dịp Tết nguyên đán, thực hiện kiểm tra tại các huyện, thành phố và khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng.

- Chủ động và thực hiện tốt công tác thẩm định giá dịch vụ, hàng hóa cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn; Thực hiện tiếp nhận 10 lượt kê khai giá (giá gas, nước sạch), phối hợp tiếp nhận 12 lượt văn bản kê khai giá (vật liệu xây dựng, cước vận tải xe khách, taxi) đảm bảo đúng thời gian quy định, đồng thời tiếp nhận 30 thông báo giá của các đơn vị kinh doanh giá gas, vật liệu xây dựng.

- Tham gia Hội đồng tiêu hủy vật chứng tài sản của Cục thi hành án dân sự 11 vụ; Xác định giá trị tang vật, tài sản vi phạm hành chính theo đề nghị của Chi cục Kiểm lâm 47 vụ; Tiêu hủy vật chứng tài sản của Chi cục Kiểm lâm 05 vụ; Xác định giá trị tang vật, tài sản vi phạm hành chính theo đề nghị của Cục quản lý thị trường tỉnh 01 vụ; Xác định giá trị tang vật, tài sản vi phạm hành chính theo đề nghị của Phòng cảnh sát môi trường - Công an tỉnh 03 vụ; Định giá tài sản theo yêu cầu định giá tài sản của Phòng cảnh sát điều tra - Công an tỉnh 02 vụ; tiếp nhận tài sản tịch thu bàn giao từ Cục thi hành án dân sự tỉnh 11 lượt.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất, xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất của **297** thửa đất ở tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu (trong đó: thành phố Lai Châu: 51 thửa; huyện Tam Đường: 05 thửa; huyện Than Uyên: 39 thửa; Phong Thổ: 26 thửa; Nậm Nhùn: 16 thửa; Mường Tè: 50 thửa; Tân Uyên: 55 thửa; Sìn Hồ: 55 thửa);

- Tham mưu thông báo giá mủ cao su để thanh toán cho giá trị sản phẩm của người dân góp đất năm 2021 của 03 công ty cổ phần cao su trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kinh phí thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để xây dựng trụ sở làm việc Công an các xã biên giới; Tham gia ý kiến đối với việc thẩm định kết quả xây dựng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu và dự thảo Quyết định ban hành khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu; thẩm định phương án giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trung tâm thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn. Công văn số 1457/UBND-TH ngày 06/5/2022 về thu tiền thuê đất của Hệ thống đường dây truyền tải điện.

- Thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp của **05** đơn vị: Công ty TNHH Bình Minh; Công ty cổ phần thủy điện Nậm Bùm 1A; Công ty cổ phần thủy điện Tân Uyên và BQL DA các công trình giao thông tỉnh; Công ty CP đầu tư và xây dựng thủy điện Nậm Ngệ 1A với số tiền: 1.708.171.400 đồng.

- Tham gia ý kiến về giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiêu chí về vốn chủ sở hữu của tổ chức tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và phí tham gia đấu giá đối với 19 mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2023

1. Dự báo giá cả thị trường tháng 01 năm 2023

- Nhóm hàng lương thực, thực phẩm như: thóc, gạo tẻ thường, gạo tẻ ngon, gạo nếp, giá thịt gia súc, gia cầm các mặt hàng thực phẩm tươi sống, rau củ, quả tăng; giá mặt hàng hải sản tươi sống tăng do nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng.

- Nhóm vật tư nông nghiệp; Giá dịch vụ du lịch ổn định;

- Nhóm vật liệu xây dựng, thuốc chữa bệnh cho người, dịch vụ y tế; giáo dục ổn định.

- Nhóm đồ uống, bánh kẹo, thuốc lá; Nhóm giao thông, nước sinh hoạt, tăng.

- Giá vàng, Giá xăng dầu, giá Gas, giá Đô la Mỹ biến động theo giá trong nước và thế giới.

2. Nhiệm vụ trọng tâm tháng 01 năm 2023

- Chủ động theo dõi tình hình biến động của giá cả thị trường, tổng hợp báo cáo của Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, kịp thời báo cáo tình hình giá cả thị trường hàng tháng đảm bảo đúng quy định theo Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo giá thị trường.

- Tổng hợp tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 Quy định Quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Chủ động nắm bắt điều hành giá cả thị trường theo chức năng nhiệm vụ, theo chỉ đạo của Văn phòng chính phủ, Bộ Tài chính; chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản về công tác quản lý và điều hành giá trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động và thực hiện tốt công tác thẩm định giá dịch vụ, hàng hóa cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để xử lý vi phạm, tịch thu sung quỹ nhà nước theo đề nghị của đơn vị.

- Chủ trì tiếp nhận, phối hợp tiếp nhận giải quyết văn bản kê khai giá của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

Trên đây là báo cáo giá thị trường và công tác quản lý giá tháng 12 và năm 2022, Sở Tài chính tỉnh Lai Châu Báo cáo Cục quản lý Giá - Bộ Tài chính theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục QLGS - BTC (bc);
- UBND tỉnh (bc);
- Giám đốc sở (bc);
- Ban chỉ đạo 389;
- TT tin học & công báo tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT Sở (đ/c Oanh);
- Phòng: TC-KH các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, GCS&TCĐN.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quý Dương